

**THÔNG BÁO**  
**Về kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá**

Căn cứ khoản 2 Điều 83 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 1 Điều 36 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 07 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 4755/QĐ-THADS ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 422/QĐ-THADS ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai.

Căn cứ kết quả thẩm định giá theo chứng thư thẩm định giá số 128/2026/720/CT-TTA.TĐG ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Trung Tín;

Căn cứ Thông báo số 7012/TB-THADS.KV3 ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản;

Căn cứ kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai thông báo kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản như sau:

**1. Tài sản đấu giá:**

**\* Quyền sử dụng đất:** Quyền sử dụng đất thuộc thửa 182, tờ bản đồ 30, xã Hưng Thịnh cũ (nay là thửa 182, tờ bản đồ 87, xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 058587 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom cấp ngày 23/01/2014, cập nhật sang tên cho ông Hoàng Hải Vương ngày 18/01/2022.

Theo phiếu đo đạc chính lý thửa đất số 875/2026 ngày 21/4/2026 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Thống Nhất thì thửa đất số 182, tờ bản đồ số 87 theo BĐĐC xã Hưng Thịnh được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 1) có diện tích 1920,3m<sup>2</sup>, loại đất theo BĐĐC: Đất HNK.

**\* Tài sản là công trình xây dựng gắn liền trên đất nêu trên bao gồm:**

- Mái che 1: Diện tích 10,8m<sup>2</sup>. Kết cấu: Cột sắt tròn, xà gồ sắt một bên đỡ lên tường bao, mái lợp tôn, nền bê tông;
- Mái che 2: Diện tích 49,77m<sup>2</sup>. Kết cấu: Cột sắt, xà gồ sắt, mái lợp tôn, nền bê tông;
- Mái che 3: Diện tích 32m<sup>2</sup>. Kết cấu: Cột sắt, xà gồ sắt, mái lợp tôn, nền đất;
- Mái che 4: Diện tích 29,12m<sup>2</sup>. Kết cấu: Cột sắt, xà gồ sắt, mái lợp tôn, nền bê tông;
- Mái che 5: Diện tích 20m<sup>2</sup>. Kết cấu: Cột sắt, xà gồ sắt, mái lợp tấm, nền gạch men;
- Nhà ở: Diện tích xây dựng 46,16m<sup>2</sup>, diện tích sân thượng 40m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng 92,32m<sup>2</sup>. Kết cấu: Móng BTCT, cột BTCT, sàn BTCT, tường xây gạch, sơn nước, trần thạch cao, cửa nhôm kính, cầu thang sắt, lan can sắt; Sân thượng: lát gạch men, thành xây gạch sơn nước; Vệ sinh: nền gạch men, tường gạch sơn nước, cửa sắt kính;
- Bể chứa nước: Diện tích 94m<sup>2</sup>. Kết cấu: Móng gạch, tường gạch cao 1,1m trát vữa, đáy bê tông cốt thép;
- Vọng gác: Diện tích xây dựng: 5,76m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 11,52m<sup>2</sup>. Kết cấu: Khung 04 trụ thép, sàn thép cầu thang thép, lan can thép, mái chóp lợp tôn;
- 01 Giếng khoan sâu khoảng 75m, 01 mô tơ 4HP;
- 01 Hàng rào tường xây.

**\* Cây trồng gắn liền trên đất nêu trên bao gồm:**

- + 01 cây sưa (khoảng 10 năm tuổi);
- + 01 cây me (khoảng 10 năm tuổi);
- + 03 cây mận (khoảng 05 năm tuổi);
- + 01 cây khế (khoảng 05 năm tuổi)

**2. Giá khởi điểm:** 2.499.215.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng).

**3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn:** Công ty Đấu giá Hợp danh An Gia; địa chỉ: số 15 đường 33, khu phố 2, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn:** 82 điểm.

**5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm hồ sơ kèm theo lý do:** Không

**6. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối:** Không

**II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM** (bao gồm cả tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn):

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA | Công ty Đấu giá Hợp danh An Gia |
|----|----------|------------|---------------------------------|
|----|----------|------------|---------------------------------|

|            |                                                                                                                                                                                            |                    |              |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                  |                    |              |
| 1.1        | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                             | Đủ điều kiện       | Đủ điều kiện |
| 1.2        | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                       | Không đủ điều kiện |              |
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                      | <b>19</b>          | <b>17</b>    |
| <b>2.1</b> | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                             | <b>10</b>          | <b>8</b>     |
| 2.1.1      | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                | 5                  | 4            |
| 2.1.2      | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                       | 5                  | 4            |
| <b>2.2</b> | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                   | <b>5</b>           | <b>5</b>     |
| 2.2.1      | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 2                  | 2            |
| 2.2.2      | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                 | 3                  | 3            |
| <b>2.3</b> | <b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b>                                                                 | <b>2</b>           | <b>2</b>     |
|            | <b>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b>                                 |                    |              |
| <b>2.4</b> | <b>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</b>                                    | <b>1</b>           | <b>1</b>     |
| <b>2.5</b> | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>                                                                                                                                                        | <b>1</b>           | <b>1</b>     |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                               | <b>16</b>          | <b>16</b>    |
| <b>3.1</b> | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>                                                                         | <b>4</b>           | <b>4</b>     |
| 3.1.1      | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                        | 2                  | 2            |
| 3.1.2      | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                | 2                  | 2            |
| <b>3.2</b> | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>                                    | <b>4</b>           | <b>4</b>     |

|       |                                                                                                                                                                                                                                                   |    |    |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|
| 3.3   | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                         | 4  | 4  |
| 3.3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                        | 2  | 2  |
| 3.3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                                                                                                         | 2  | 2  |
| 3.4   | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>                                                                                  | 4  | 4  |
| IV    | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                      | 57 | 47 |
| 4.1   | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b>                                                                                                                        | 15 | 10 |
|       | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                        |    |    |
| 4.1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                              | 12 |    |
| 4.1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                       | 13 |    |
| 4.1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                       | 14 |    |
| 4.1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên                                                                                                                                                                                                                        | 15 | 11 |
| 4.2   | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b>                                                                                                                                                                                         | 7  | 5  |
|       | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                        |    |    |
| 4.2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)                                                                                                                                                                | 4  |    |
| 4.2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                           | 5  |    |
| 4.2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                           | 6  |    |
| 4.2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên                                                                                                                                                                                                                  | 7  | 4  |
| 4.3   | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)</b> | 7  | 6  |
|       | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                        |    |    |
| 4.3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                          | 4  |    |
| 4.3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                       | 5  |    |
| 4.3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                       | 6  |    |
| 4.3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                | 7  | 6  |

|       |                                                                                                                                                                                                                                                                               |   |   |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|
| 4.4   | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)                                                                                                       | 3 | 3 |
|       | Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.                |   |   |
| 4.4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                       | 3 | 3 |
| 4.4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:                                                                                  |   |   |
|       | Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                                                                              |   |   |
| 4.4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$                     |   |   |
| 4.5   | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b> | 7 | 5 |
|       | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                    |   |   |
| 4.5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                            | 4 |   |
| 4.5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                              | 5 |   |
| 4.5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                              | 6 |   |
| 4.5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                      | 7 |   |
| 4.6   | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                            | 4 | 4 |
|       | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                    |   |   |
| 4.6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                               | 2 |   |
| 4.6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                | 3 |   |
| 4.6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                    | 4 |   |
| 4.7   | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh,</b>                                                                                                                        | 4 | 3 |

|              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |          |          |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|
|              | <b>Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b> |          |          |
|              | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |          |          |
| 4.7.1        | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2        |          |
| 4.7.2        | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3        |          |
| 4.7.3        | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4        | 4        |
| <b>4.8</b>   | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>5</b> | <b>5</b> |
|              | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |          |          |
| 4.8.1        | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3        |          |
| 4.8.2        | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4        |          |
| 4.8.3        | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5        | 5        |
| <b>4.9</b>   | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b>                                                | <b>5</b> | <b>5</b> |
|              | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |          |          |
| 4.9.1        | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3        |          |
| 4.9.2        | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4        |          |
| 4.9.3        | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5        | 5        |
| <b>V</b>     | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>3</b> | <b>2</b> |
| <b>5.1</b>   | <b>Tổ chức đấu giá có số lượng đấu giá thành công nhiều loại tài sản năm 2025 nhất. (Cung cấp tài liệu chứng minh)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>3</b> | <b>1</b> |
| <b>5.1.1</b> | <b>Số lượng nhiều nhất</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>3</b> |          |
| <b>5.1.2</b> | <b>Trường hợp còn lại</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>0</b> |          |

|                     |           |           |
|---------------------|-----------|-----------|
| <b>Tổng số điểm</b> | <b>95</b> | <b>82</b> |
|---------------------|-----------|-----------|

Đề nghị Công ty Đấu giá Hợp danh An Gia liên hệ Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Đồng Nai; địa chỉ: đường 30/4, khu phố 3 (nay là Khu phố Trảng Bom 1), phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai để nhận hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản bán đấu giá làm cơ sở ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định.

Vậy, thông báo để Công ty Đấu giá Hợp danh An Gia biết./.

***Nơi nhận:***

- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Trang TTĐT Cục Quản lý THADS
- Trang TTĐT THADS TP.Đồng Nai;
- Viện KSND Khu vực 3 - Đồng Nai;
- Dương sự (để biết);
- Công ty Đấu giá Hợp danh An Gia;
- Lưu VT, HSTHA (CHV Xoan).

**CHẤP HÀNH VIÊN**

**Đinh Thị Xoan**